

Số: 58/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 9 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pholy– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp Tân B, xã Tân T, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Võ Thị Ánh L, sinh năm: 1980; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp Tân B, xã Tân T, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông Th có mặt; bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Trần Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L được hình thành là do mai mối, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1997, nhưng từ đó đến nay hai người chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L không chung thủy với chồng con, không lo làm ăn mà lo tụ tập ăn nhậu và rồi quan hệ quen biết với người đàn ông khác, bỏ chồng con, nhiều lần ông khuyên ngăn nhưng bà loan không nghe, nên mâu thuẫn trầm trọng

dẫn đến ly thân nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà L.

Về quan hệ con chung: Ông với bà L có 03 con chung tên: 1/ Trần Đức T, sinh ngày 12/9/1999; 2/ Trần Thanh Th, sinh ngày 18/6/2001; 3/ Trần Thị Như Y, sinh ngày 17/9/2011, hiện 02 con T, Th đã trưởng thành và sống tự lập, ông không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Y do ông nuôi, ông yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà L không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà L không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Võ Thị Ánh L để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông Th – bà L chung sống từ năm 1997, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX tuyên không công nhận ông Th - bà là vợ chồng. Về con chung, ông Th yêu cầu nuôi cháu Y theo ý nguyện của cháu, nên đề nghị chấp nhận. Đối với Trần Đức T, Trần Thanh Th đã trưởng thành, ông Th không yêu cầu giải quyết cũng như về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông Th khởi kiện ly hôn với bà L là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà L có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Bà L được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông Th - bà L được hình thành là do hai người mai mối và chung sống nhau từ năm 1997; lẽ ra ông Th – bà L phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Th trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trình bày của ông Th phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân T ngày 10/8/2023,

nơi ông Th - bà L có đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận ông Trần Văn Th – bà Võ Thị Ánh L là quan hệ vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, Trần Đức T, Trần Thanh Th, đã trưởng thành và sống tự lập, ông Th không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét. Riêng cháu Trần Thị Như Y, từ trước nay do ông Th nuôi dưỡng, ý nguyện của cháu sau khi ly hôn được tiếp tục sống với cha. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu Y cho ông Th tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho ông Th biết: Trong thời gian nuôi con, ông Th cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại Tòa ông Th không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông Th khai ông với bà Loan không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do bà L vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà L có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và bà L có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Ông Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th được ly hôn với bà Võ Thị Ánh L.

Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn Th được tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 17/9/201.

Công nhận tự nguyện của ông Trần Văn Th không yêu cầu bà Võ Thị Ánh L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với Trần Đức T, sinh ngày 12/9/1999; 2/ Trần Thanh Th, sinh ngày 18/6/2001, ông Th khai đã trưởng thành và sống tự lập, ông không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010171 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*ông Th nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**26/9/2023**), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ